

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thái Văn Lộc.

2. Ông Hoàng Đình Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần XNK Việt Nam (Eximbank). Địa chỉ: Tầng 8, văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Văn Thái Bảo Nh- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy ủy quyền số 274/2018/EIB/UQ-TGD ngày 28/12/2018 của Tổng giám đốc Eximbank. Bà Văn Thái Bảo Nh ủy quyền cho: Ông Vi Hữu H - Chức vụ: Tổ trưởng Phòng tín dụng cá nhân- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy ủy quyền số 413/2020/EIB HCM/TDCN/UQ-GĐ ngày 09/6/2020. (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1976; trú tại: Ấp BL, xã TB, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2020 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Ngọc H nguyên là nhân viên của Ngân Hàng Eximbank, từ năm 2012 đến năm 2014, ông H có ký 03 hợp tín dụng với Ngân hàng Eximbank, cụ thể như sau:

Ngày 01/8/2012, ông H ký hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201203582 vay số tiền 80.000.000 đồng; lãi suất: 0,8%/tháng tính trên dư nợ giảm dần; Lãi suất quá hạn: 150%/năm; Thời hạn vay: 120 tháng (từ ngày 01/8/2012 đến ngày 01/8/2022), mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Hình thức trả là ngày 15 hàng tháng ông H pH trả số tiền gốc là 667.000 đồng và tiền lãi được tính giảm dần tương ứng với số tiền gốc mà ông H trả hàng tháng cho Ngân hàng.

Ngày 01/8/2013, ông H ký hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201305257 vay số tiền 100.000.000 đồng; lãi suất: 8,00%/năm, lãi suất sẽ được cố định trong thời gian 06 tháng, sau thời gian này lãi suất sẽ được điều chỉnh 01 tháng 01 lần theo cơ chế: lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) + 0,05%/tháng theo biểu mẫu lãi suất tiết kiệm công bố của Eximbank tại thời điểm thay đổi; Lãi suất quá hạn: 150%/năm; Thời hạn vay: 120 tháng (từ ngày 01/8/2013 đến ngày 01/8/2023), mục đích vay tiêu dùng. Hình thức trả là ngày 15 hàng tháng ông H pH trả số tiền gốc là 834.000 đồng và tiền lãi được tính giảm dần tương ứng với số tiền gốc mà ông H trả hàng tháng cho Ngân hàng.

Ngày 01/5/2014, ông H ký hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201402828 vay số tiền 36.000.000 đồng; lãi suất: 7,00%/năm, lãi suất sẽ được cố định trong thời gian 06 tháng, sau thời gian này lãi suất sẽ được điều chỉnh 01 tháng 01 lần theo cơ chế: lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) + 0,6%/tháng theo biểu mẫu lãi suất tiết kiệm công bố của Eximbank tại thời điểm thay đổi; Lãi suất quá hạn: 150%/năm; Thời hạn vay: 120 tháng (từ ngày 01/5/2014 đến ngày 01/5/2024), mục đích vay tiêu dùng. Hình thức vay tín chấp, ông H pH trả số tiền gốc là 300.000 đồng và tiền lãi được tính giảm dần tương ứng với số tiền gốc mà ông H trả hàng tháng cho Ngân hàng.

Từ lúc ký 03 hợp đồng trên cho đến ngày 15/12/2016, ông H thực hiện việc đóng tiền gốc và lãi đầy đủ. Tuy nhiên, đến ngày 15/01/2017 ông H ngưng đóng tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ để làm việc với ông H nhưng ông H cố tình trốn tránh cho đến nay.

- Đối hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201203582 ông H đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 61.449.999 đồng (trong đó tiền gốc là 36.550.000 đồng và tiền lãi là 24.899.999 đồng), hiện nay ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tổng số tiền 71.203.049 đồng (trong đó gốc là 43.450.000 đồng, lãi trong hạn là 23.956.640 đồng, lãi quá hạn là 3.796.409 đồng).

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201402828 ông H đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 57.164.276 đồng (trong đó tiền gốc là 34.194.000 đồng và tiền lãi là 22.970.276 đồng), hiện nay ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tổng số tiền 107.233.319 đồng (trong đó gốc là 65.806.000 đồng, lãi trong hạn là 36.283.068 đồng, lãi quá hạn là 35.144.251 đồng).

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201402828 ông H đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 16.138.151 đồng (trong đó tiền gốc là 9.714.000 đồng và tiền lãi là 6.424.151 đồng), hiện nay ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tổng số tiền 42.519.579 đồng (trong đó gốc là 26.286.000 đồng, lãi trong hạn là 14.493.078 đồng, lãi quá hạn là 1.740.501 đồng).

Nay ngân hàng Eximbank yêu cầu ông H trả tổng số tiền là 220.955.947 đồng. Trong đó nợ gốc là: 135.542.000 đồng, lãi trong hạn: 74.732.786 đồng; lãi quá hạn: 10.681.161 đồng (tiền lãi tính đến ngày xét xử- 30/9/2020). Sau khi xét xử sơ thẩm thì ông H phải tiếp tục thông toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, tiền phạt chậm thanh toán và các loại phí cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Trần Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự, nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

**Tại phiên tòa đại diện của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;** ông Trần Ngọc H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

*Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của

Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tổng số tiền là 220.955.947 (hai trăm hai mươi triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi bảy) đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm thì ông H phải tiếp tục thông toán cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, tiền phạt chậm thông toán và các loại phí cho đến khi trả hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 03 hợp đồng tín dụng gồm hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201203582; hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201402828 và hợp đồng tín dụng số 2000-LAV- 201402828 ký kết giữa Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam và ông Trần Ngọc H với nội dung như đại diện của nguyên đơn đã trình bày. Trong hợp đồng tín dụng có thể hiện chữ ký của ông H cùng các tài liệu chứng cứ phô tô kèm theo như giấy Chứng minh nhân dân, Hộ khẩu gia đình của Trần Ngọc H. Do đó, đây là giao dịch dân sự có thật và hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nhưng sau khi vay ông H không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng về thời hạn và nghĩa vụ

trả nợ nên ngày 08/6/2020 Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông H trả số nợ trên.

Theo bản kê tất toán hợp đồng thể hiện số tiền ông H còn nợ lại Ngân hàng tính đến ngày xét xử (30/9/2020) là tổng cộng là: 220.955.947 đồng, trong đó tiền gốc là: 135.542.000 đồng, lãi trong hạn là: 74.732.786 đồng và lãi quá hạn là: 10.681.161 đồng.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông H biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng với các tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng ông H không có ý kiến cũng như không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam. Theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005 thì yêu cầu của nguyên đơn có là căn cứ nên Tòa án chấp nhận là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm thì ông H pH tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, tiền phạt chậm thông toán và các loại phí cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông Trần Ngọc H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ pH trả là 220.955.947 đồng x 5% = 11.048.000 đồng.

Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam không pH chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” với ông Trần Ngọc H.

Buộc ông Trần Ngọc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam tổng số tiền nợ là: 220.955.947 (Hai trăm hai mươi triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi bảy) đồng, trong đó tiền nợ gốc là: 135.542.000 đồng, lãi trong hạn là: 74.732.786 đồng và lãi quá hạn là: 10.681.161 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Ngọc H còn pH tiếp tục chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thông toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc H pH chịu tiền án phí sơ thẩm là 11.048.000 (Mười một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.216.000 (Năm triệu hai trăm mười sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007179 ngày 29/6/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND H. Châu Thành;
- TA tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**